

Yên Lập, ngày 12 tháng 7 năm 2022

Số: 58/ 2022/QST-HNGST

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2022/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị N, sinh năm 2000.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1991 .

Cùng địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hoàng Quốc Việt - Luật sư thực hiện hợp đồng trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào, khoản 4, điều 147, điều 212, điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12; điểm b khoản 6 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Điều 26 luật thi hành án Dân sự.

Căn cứ vào điều 55, 58, 81,82,và điều 83 luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của đ-ương sự đ-ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đ-ương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phùng Thị N và anh Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đ-ương sự cụ thể nh- sau:

- Về con chung: Anh Bùi Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Bùi Thu D, sinh ngày 29/11/2017 kể từ khi ly hôn đến khi con chung đã thành niên. Chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh T cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị N việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Chị N và anh T thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả ; lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Miễn cho chị Phùng Thị N số tiền 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Miễn cho anh Bùi Văn T số tiền là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này đ-ợc thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Yên Lập;
- Các đ-ơng sự;
- THA dân sự huyện Yên Lập;
- UBND xã Xuân Viên
- L- u hồ sơ;
- L- u VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Xuân Trường